

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 9 - 2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Sách.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Bà Lê Kim Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm, là thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 tháng 8 và ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thúy N, sinh năm 1992; Địa chỉ cư trú: ấp A, xã A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Trương Văn N, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn chị Trần Thị Thúy N trình bày: Vào năm 2012 chị và anh Trương Văn N sau thời gian tìm hiểu nhau đã đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp vào ngày 24/7/2020, sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình anh N, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 03 con chung tên Trương Phước T, sinh ngày 23/01/2013; Trương Văn Thiện E, sinh ngày 12/5/2014 và Trần Thiện N, sinh

ngày 04/02/2017. Trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn xảy ra, cuộc sống không hợp nhau do bất đồng quan điểm, nhưng chị đã cố gắng chịu đựng để cho gia đình hạnh phúc, còn anh N thường xuyên kiểm chuyện cãi vả với chị, nên đến năm 2020 thì do không chịu đựng được nữa chị đã dẫn con bỏ về nhà cha mẹ ruột sống đến nay và vợ chồng cũng đã ly thân từ đó, trong thời gian ly thân không có hàn gắn được, nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn N.

+ Về con chung có 03 người: Tên Trương Phước T, sinh ngày 23/01/2013; Trương Văn Thiện E, sinh ngày 12/5/2014 (hiện đang sống với anh N) và Trần Thiện N, sinh ngày 04/02/2017 (hiện đang sống với chị). Chị yêu cầu được nuôi dưỡng hết cả 03 con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện có yêu cầu chia đôi 04 chỉ vàng 24kara, nhưng nay chị N rút lại yêu cầu này xem như không có tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trương Văn N, không có ý kiến gửi Tòa án, mặc dù đã được tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử.

- Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

* Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

* Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và qua kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện H sau phần phân tích nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thúy N được ly hôn với anh Trương Văn N.

+ Về Con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thúy N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung với anh Trương Văn N, là: Trương Phước T, sinh ngày 23/01/2013; Trương Văn Thiện E, sinh ngày 12/5/2014 (hiện đang sống với anh N) và Trần Thiện N, sinh ngày 04/02/2017 (hiện đang sống với chị N); Anh Trương Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N chưa yêu cầu, nên anh N chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thúy N tại phiên tòa đã rút yêu cầu chia 04 chỉ vàng 24kara, xét thấy đây là tự nguyện của chị N nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

+ Về nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

* Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với bị đơn anh Trương Văn N đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã H (nay là thành phố H), tỉnh Đồng Tháp vào ngày 24/7/2020, nên quan hệ vợ chồng của chị Trần Thị Thúy N và anh Trương Văn N là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo chị N khai là không hợp nhau, thường xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, mà bắt đầu là do lỗi của anh N trong cư xử không tế nhị với vợ, thiếu sự chăm lo gia đình, nhậu nhẹt bê tha về đánh chửi vợ, chị N đã hết lời khuyên răn, nhưng vẫn không được, nên chị N bỏ ra đi về nhà cha mẹ ruột sống kể từ năm 2020 đến nay. Nay chị N xin được ly hôn với anh N; còn anh N thì không có ý kiến tại tòa. Hội đồng xét xử, nhận thấy: Tình cảm vợ chồng của chị N với anh N không còn, cụ thể qua các lần hòa giải cũng như tại phiên tòa Tòa án đã nhiều lần động viên chị N về đoàn tụ lại với anh N, nhưng chị N kiên quyết ly hôn, do đó xét thấy mặc dù không có ý kiến của anh N, nhưng thực tế cuộc sống vợ chồng của chị N, anh N đã có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu của chị N được ly hôn với anh N.

- Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Theo chị N khai và theo hồ sơ thể hiện là có 03 con chung với anh N - tên Trương Phước T, sinh ngày 23/01/2013; Trương Văn Thiện E, sinh ngày 12/5/2014 (hiện đang sống với anh N) và Trần Thiện N, sinh ngày 04/02/2017 (hiện đang sống với chị). Chị N yêu cầu được nuôi dưỡng hết cả 03 con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, mặc chưa có ý kiến của anh N, nhưng thực tế theo chị N khai là 02 cháu Phước T, Thiện E thì anh N cũng không trực tiếp nuôi dưỡng mà gửi cho bà di nuôi dưỡng, còn cháu Thiện N hiện đang sống với chị và nay theo nguyện vọng của 02 cháu Phước T và Thiện E là xin được sống với mẹ, nếu ba mẹ ly hôn (tại các bản tự khai ngày 24/5/2021), đối với cháu Thiện N chưa đến tuổi để hỏi ý kiến về nguyện vọng, nhưng cháu Thiện N hiện đang sống với

chị N, nên xét thấy yêu cầu của chị N xin được nuôi dưỡng hết cả 03 con là có cơ sở, phù hợp với nguyện vọng của các con, nên chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị N chưa yêu cầu, nên anh N chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện chị N có yêu cầu chia đôi 04 chỉ vàng 24kara, nhưng trong quá trình tố tụng vụ án cũng như tại phiên tòa chị N đã rút lại không yêu cầu chia 04 chỉ vàng này đối với anh N. Xét thấy, đây là tự nguyện rút phần yêu cầu khởi kiện của chị N, phù hợp với pháp luật, nên chấp nhận và căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này.

- Về nợ chung: Không có, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt vấn đề xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm, và được trừ vào khoảng tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp là 550.000 đồng theo biên lai thu số: BI/2019/0013042 ngày 24/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vậy chị N được hoàn trả lại tiền án phí sơ thẩm chênh lệch là 250.000 đồng; Anh N không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 147, 227, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thúy N được ly hôn với anh Trương Văn N.

2. Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Chị Trần Thị Thúy N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung với anh Trương Văn N, là: Trương Phước T, sinh ngày 23/01/2013; Trương Văn Thiện E, sinh ngày 12/5/2014 (hiện đang sống với anh N) và Trần Thiện N, sinh ngày 04/02/2017 (hiện đang sống với chị N) – theo nguyện vọng của các con; Anh Trương Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Trần Thị Thúy N chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên anh Trương Văn N chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà chị Trần Thị Thúy N đã rút khỏi kiện về việc chia 04 chỉ vàng 24kara đối với anh Trương Văn N.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Thúy N phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào khoảng tiền tạm ứng án phí chị Trần Thị Thúy N đã nộp là 550.000 đồng theo biên lai thu số: BI/2019/0013042

ngày 24/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vậy chị Trần Thị Thúy N được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chênh lệch là 250.000 đồng; Anh Trương Văn N không phải nộp án phí sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn chị Trần Thị Thúy N có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (23/9/2021). Đối với bị đơn anh Trương Văn N vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện H;*
- *TAND tỉnh Đồng Tháp;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *UBND xã A, TPHN, ĐT;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Quốc Sách